

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST

Ngày: 15-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Y và Lê Thị Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2021/TLST-HS ngày 06-9-2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/HSST-QĐ ngày 30-9-2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thanh A (Tên gọi khác: Lớn) - Sinh ngày: 25/9/1978, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn X, sinh năm: 1942; Mẹ: Nguyễn Thị T - Sinh năm: 1942; vợ: Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1984; Có 02 người, lớn nhất sinh năm: 2007, nhỏ nhất sinh năm: 2008;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Thanh A bị bắt tạm giữ từ ngày 01-01-2021 đến ngày 10-01-2021, tạm giam kể từ ngày 10-01-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N - Có mặt tại phiên tòa.

2. Thái Thị L - Sinh ngày: 12/6/1992, tại Ninh Thuận. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Thái Văn L - Sinh năm: 1962; Mẹ: Võ Thị Đ - Sinh năm: 1965; Chồng: Trần Thanh T - Sinh năm: 1980; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2019.

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 22/6/2017, Thái Thị L bị Toà án nhân dân huyện N1, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 18 tháng, về tội” Đánh bạc” theo bản án số 08/2017/HSST ngày 22-6-2017, đã chấp hành xong bản án.

+ Ngày 24/10/2018, Thái Thị L có hành vi Huỷ hoại hoặc Cố ý làm hư hỏng tài sản, bị xử phạt hành chính theo quyết định xử phạt Vi phạm hành chính số 68 ngày 19-11-2018 của Công an huyện T, đã chấp hành xong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

Bị cáo Thái Thị L đang chấp hành Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương - Có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Văn L1 (Tên gọi khác: X) - Sinh năm: 1989, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn N (Đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị B - Sinh năm: 1953; Vợ: Lê Thị Quý D - Sinh năm: 1993; Có 01 người con sinh năm 2021.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Văn L bị bắt tạm giữ từ ngày 01-01-2021 đến ngày 10-01-2021, tạm giam kể từ ngày 10 -01-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N – Có mặt tại phiên tòa.

4. Trần Vũ Xuyên S (Tên gọi khác: T2) - Sinh ngày: 10/8/1981, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trần Hữu T - Năm sinh: 1952; Mẹ: Đặng Thị E - Sinh năm: 1957; vợ: Võ Thị X - Sinh năm: 1982; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2014;

-Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 15/3/2002 Trần Vũ Xuyên S bị Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản”, hiện nay S đã chấp hành xong, đã được xóa án tích.

+ Ngày 31-5-2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo quyết định số 57/QĐ – XPVPHC của Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng.

Bị cáo Trần Vũ Xuyên S bị bắt tạm giữ từ ngày 01-01-2021 đến ngày 10-01-2021, tạm giam kể từ ngày 10-01-2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện N – Có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn T (Tên gọi khác: T3) nơi cư trú: Khu phố 1, phường Đạo Long, thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Thợ S; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch:

Việt Nam; cha: Nguyễn Xuân H (Đã chết); Mẹ: Lê Thị D (Đã chết); Vợ: Hồ Thị Ngọc H - Sinh năm: 1993; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2019;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân:

+ Ngày 02/01/2003 Công an bắt lập DCB số 1547 về việc Vào trường giáo dưỡng; Ủy ban nhân dân thị xã P, Ninh Thuận quyết định đưa vào TGD, CSGD 24 tháng;

+ Ngày 31/7/2006 bị Tòa án nhân dân thị xã P, Ninh Thuận xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 36/2006/HSST.

+ Ngày 22/4/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 34/2009/HSST.

+ Ngày 30/9/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 15 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 139/2013/HSST.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 01-01-2021 đến ngày 10-01-2021, tạm giam kể từ ngày 10 -01-2021 đến ngày 10-9-2021 thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Quyết định thay đổi biện pháp ngăn chặn số 01/2021/HSST-TĐBPNC của Tòa án nhân dân huyện N. Hiện bị cáo đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

6. Lại Trúc L3 (Tên gọi khác: Bé Năm) - Sinh ngày: 04/10/1990, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố x, phường K, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lại Văn H - Sinh năm: 1963; Mẹ: Bùi Thị K - Sinh năm: 1963; Chồng: Nguyễn Thanh V - Sinh năm: 1989, có 01 người con sinh năm 2014;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Lại Trúc L3 đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương - Có mặt tại phiên tòa.

7. Nguyễn Hữu L4 - Sinh ngày: 09/10/1988, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Thợ hồ; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Hữu Đ - Sinh năm: 1956; Mẹ: Nguyễn Thị P - Sinh năm: 1960; Vợ: Đào Thị T - Sinh năm: 1990; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2016;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 16/7/2018, Nguyễn Hữu L4 bị Công an huyện N, tỉnh Ninh Thuận xử phạt hành chính về hành vi Đánh nhau, phạt 750.000 đồng số hồ sơ: 31XP0718/7050710, số lưu trữ 176/XP18/70507 (Công an huyện N lưu trữ), đã chấp hành xong.

Bị cáo Nguyễn Hữu L4 đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Thị T - Sinh ngày: 05/5/1980, tịa Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố y, thị trấn P, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn X - Sinh năm: 1955; Mẹ: Nguyễn Thị N - Sinh năm: 1959; Chồng: Nguyễn Đình N- Sinh năm: 1973; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2010; nhỏ nhất: 2012.

- Tiền án: Không;

- Tiền sự: ngày 11/02/2020, Nguyễn Thị T bị Công an thị trấn Phước Dân, huyện N xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc số tiền 1.500.000 đồng, đã nộp phạt xong.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

9. Lê Thị Ngọc T1 (Tên gọi khác: H) Sinh ngày: 25/5/1985, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố z, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Lê Văn Đ - Sinh năm: 1955; Mẹ: Nguyễn Thị H - Sinh năm: 1954; Chồng: Nguyễn Bình Phương V - Sinh năm: 1982; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2007; nhỏ nhất: 2011;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

10. Đỗ Thanh T2 (Tên gọi khác: T) - Sinh ngày: 16/6/1982, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Khu phố 15, thị trấn Phước Dân, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Đỗ Thành P - Sinh năm: 1948; Mẹ: Hồ Thị L - Sinh năm: 1956; Vợ, con: Không;

- Tiền án, Tiền sự: Không;

- Nhân thân: Ngày 31/7/2007, Đỗ Thanh T bị Toà án nhân dân huyện N xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, T đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

11. Hồ Thị Hải N – (Tên gọi khác: B) - Sinh ngày: 28/10/1979, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Hồ N - Sinh năm: 1959; Mẹ: Nguyễn Thị L - Sinh năm: 1960; Chồng: Đã Ly hôn; Có 01 người con, sinh năm 2016.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

12. Đặng Thị P - Sinh ngày: 01/01/1969, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Đặng Văn L - Sinh năm: 1947; Mẹ: Nguyễn Thị X - Sinh năm: 1947; Chồng: Nguyễn Trung T, sinh năm: 1968; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1989; nhỏ nhất sinh năm: 1992.

- Tiền án, tiền sự: Không;

Hiện bị cáo Đặng Thị P đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú tại địa phương - Có mặt tại phiên tòa.

13. Trần Thị Thu H (Tên gọi khác: B1) - Sinh ngày: 25/9/1987, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Trần Văn L - Sinh năm: 1963; Mẹ: Nguyễn Thị V - Sinh năm: 1967; Chồng: Tăng Phúc V, sinh năm: 1984; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007; nhỏ nhất sinh năm: 2017;

- Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

14. Nguyễn Thị Phương D - Sinh ngày: 10/12/1963, tại Ninh Thuận; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: khu phố j, phường T, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn U - Sinh năm: 1940 (chết); Mẹ: Ngô Thị B - Sinh năm: 1942; Chồng: Nguyễn Tăng Thịnh, sinh năm: 1965; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995; nhỏ nhất sinh năm: 2000.

- Tiền án: Không

- Tiền sự: Ngày 25-12-2020 bị Công an xã A, huyện N xử phạt về hành vi đánh bạc trái phép theo quyết định số 0000901 ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Bị cáo đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/01/2021, Công an huyện N phối hợp với Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Ninh Thuận tiến hành bắt quả tang tụ điểm đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc đĩa tại G thuộc thôn A, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận, thu giữ trên chiếu bạc số tiền: 9.200.000 đồng và các dụng cụ dùng đánh bạc gồm: 01 tấm bao bì màu xanh trắng, một mặt có chữ “Blue-sea”, “Thức ăn tôm thẻ chân trắng”, một mặt có viết bằng mực xanh và đỏ gồm chữ “X” và “ T” và một số ký tự bằng số; 03 hột xúc xắc được làm

bằng giấy và xốp; 23 vòng tròn bằng kim loại; 01 chén nhựa S màu đỏ bên ngoài và màu đen bên trong; 01 đĩa tròn bằng kim loại, cùng 22 đối tượng liên quan về trụ sở làm việc.

Trong quá trình điều tra xác định được: Do muốn hưởng lợi bất chính nên khoảng tháng 11/2020, Nguyễn Thanh A đã nhiều lần tổ chức đánh bạc thắng thua bằng tiền dưới hình thức xóc tài - xỉu, giúp cho A chung chi tiền cho các con bạc trong quá trình đánh bạc gồm có: Thái Thị L và Nguyễn Văn L1; còn Trần Vũ Xuyên S làm nhiệm vụ canh gác sòng bạc, khi phát hiện lực lượng công an sẽ báo động cho các con bạc bỏ chạy, tẩu thoát. Cơ quan Cảnh sát Điều tra đã chứng minh được các con bạc tham gia đánh bạc do Nguyễn Thanh A tổ chức vào ngày 01/01/2021, cụ thể như sau:

1. Lê Văn T, mang theo số tiền 550.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc, T vừa đặt 50.000 đồng chưa biết kết quả thắng thua thì bị Công an bắt quả tang.

2. Trần Thị Thu H, mang theo số tiền 160.000 đồng, dùng 50.000 đồng vào mục đích đánh bạc. H đặt 50.000 đồng chưa biết kết quả thắng thua thì bị Công an bắt quả tang.

3. Nguyễn Thị T, mang theo số tiền 450.000 đồng, dùng vào mục đích đánh bạc, T tham gia 04 ván trong đó: Ván thứ nhất: đặt 200.000 đồng thắng; ván thứ 2 đặt 200.000 đồng thua; ván thứ 3: đặt 100.000 đồng thua; ván thứ 4 đặt 350.000 đồng chưa có kết quả thì bị Công an bắt quả tang.

4. Hồ Thị Hải N mang theo số tiền 3.000.000 đồng, dùng 600.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh thì kết quả N thua hết 150.000 đồng, Nhận đang chuẩn bị đặt ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang.

5. Lê Thị Ngọc T1 mang theo số tiền 8.475.000 đồng, dùng 100.000 đồng vào mục đích đánh bạc. T1 vừa đặt số tiền 100.000 đồng chưa biết kết quả thắng thua thì bị Công an bắt quả tang.

6. Nguyễn Hữu L4 mang theo số tiền 207.000 đồng, dùng 200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh, L4 đặt 4 ván kết quả thua và bị Công an bắt quả tang.

7. Lại Trúc L3 mang theo số tiền 6.200.000 đồng, dùng 1.200.000 đồng vào mục đích đánh bạc, L3 lấy 700.000 đồng đặt cược. Quá trình đánh bạc thì thắng được số tiền 1.300.000 đồng, L3 đang đặt cược thì bị Công an bắt quả tang, trong lúc bỏ chạy L3 làm rơi số tiền 2.000.000 đồng (tiền gốc và tiền thắng bạc) tại sòng bạc.

8. Đỗ Thanh T2 mang theo số tiền 1.500.000 đồng, dùng số tiền 200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, T2 thua số tiền 200.000 đồng, đang cầm số tiền 1.300.000 đồng chuẩn bị đặt tiếp thì bị Công an bắt quả tang nên Tâm ném số tiền còn lại vào sòng bạc.

9. Đặng Thị P mang theo số tiền 900.000 đồng, dùng số tiền 200.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc, P tham gia 6 ván mỗi ván đặt cược 50.000 đồng, P đặt đến ván thứ 5 thì kết quả Phân bị thua, đang đặt ván tiếp theo thì bị Công an bắt quả tang.

10. Nguyễn Thị Phương D mang theo 1.914.000 đồng, dùng số tiền 100.000 đồng vào mục đích đánh bạc. Quá trình đánh bạc D tham gia 02 ván, mỗi ván 50.000 đồng, dung bị thua đang ngồi uống nước gần chỗ bạc thì bị Công an bắt quả tang.

- Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thanh A, Thái Thị L, Trần Vũ Xuyên S, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T, Lại Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1 không có tình tiết tăng nặng.

+ Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Thanh A, Trần Vũ Xuyên S, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T, Lại Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1 có chung tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị can Đặng Thị P, Hồ Thị Hải N, Lại Trúc L3, Lê Thị Ngọc T1, Trần Thị Thu H, Nguyễn Thị T và Nguyễn Thị Phương D có chung tình tiết giảm nhẹ Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Riêng bị cáo Thái Thị L và Nguyễn Thị T được hưởng tình tiết giảm nhẹ Thành khẩn khai báo; Bị cáo Trần Vũ Xuyên S có thêm tình tiết giảm nhẹ là con của người có công cách mạng và lao động chính trong gia đình; Bị cáo Nguyễn Thanh A được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ là lao động chính trong gia đình.

* Về xử lý vật chứng:

+ Số tiền 9.200.000 đồng thu tại sòng bạc. Đây là số tiền dùng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước

+ 01 tấm bao bì màu xanh trắng (một mặt có chữ “Bluse-sea” “Thức ăn tôm thẻ chân trắng”, một mặt có viết bằng mực xanh và đỏ gồm chữ “X” và “T” và một số ký tự bằng số); 03 hột xúc xắc được làm bằng giấy và xốp; 23 vòng tròn bằng kim loại; 01 chén nhựa S màu đỏ bên ngoài và màu đen bên trong; 01 đĩa tròn bằng kim loại. Đây là dụng cụ sử dụng vào mục đích đánh bạc nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Quá trình điều tra, đã tạm giữ số tiền của các con bạc gồm:

+ Tạm giữ của Lê Văn T số tiền 500.000 đồng. Quá trình điều tra Chứng minh được T dùng vào mục đích đánh bạc đề nghị tịch thu sung quỹ Nhà nước.

+ Tạm giữ của Trần Thị Thu H số tiền 110.000 đồng, H không dùng số tiền trên vào mục đích đánh bạc nên đề nghị trả lại cho H.

+ Tạm giữ của Hồ Thị Hải N số tiền 2.850.000 đồng, quá trình điều tra xác định số tiền đánh bạc còn lại trong tổng số tiền 600.000 đồng N dùng đánh

bạc là 450.000 đồng. Đề nghị tuyên trả cho N số tiền 2.400.000 đồng và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 450.000 đồng.

+ Tạm giữ của Đặng Thị P số tiền 800.000 đồng, quá trình điều tra chứng minh được số tiền còn lại P dùng đánh bạc là 100.000 đồng nên đề nghị tuyên trả cho P 700.000 đồng và tịch thu sung quỹ Nhà nước 100.000 đồng.

+ Tạm giữ của Lê Thị Ngọc T1 số tiền 8.375.000 đồng. Quá trình điều tra chứng minh được T1 không dùng số tiền trên đánh bạc nên đề nghị tuyên trả cho T1 số tiền nêu trên.

Hiện số tiền trên đang bảo quản tại tài khoản Công an huyện N mở tại Kho bạc Nhà nước huyện N.

+ Tạm giữ của Lại Trúc L3 số tiền 5.510.000 đồng. Quá trình điều tra chứng minh được: 5.000.000 đồng là số tiền của ông Nguyễn Thanh H (*Sinh năm: 1970, trú tại: khu phố h, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận*); 500.000 đồng là số tiền của L3 dùng vào mục đích đánh bạc, còn lại 10.000 đồng L3 không dùng đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã giao trả số tiền không dùng vào mục đích đánh bạc cho ông H và L3. Riêng số tiền 500.000 đồng dùng vào mục đích đánh bạc đề nghị tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

+ Tạm giữ của Nguyễn Thị Phương D 01 điện thoại nokia màu đen và số tiền 1.814.000 đồng; tạm giữ của ông Trần Văn L số tiền 330.000 đồng; Tạm giữ của Đỗ Thị H số tiền 1.400.000 đồng; Nguyễn Thị H số tiền 16.740.000 đồng, Lê Thành V số tiền 35.000 đồng, Nguyễn Hiền N số tiền 880.000 đồng, Mai Hoàng L số tiền 450.000 đồng. Quá trình điều tra chứng minh điện thoại và tiền không liên quan đến việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho D, H, L, H, V và L là có căn cứ.

Đối với Phạm Thị Thanh N (*Sinh năm: 1987, trú tại: Thôn A, A, N*) và Đỗ Thị H (*Sinh năm: 1950, trú tại: T, xã T, thành phố P*). Quá trình điều tra chứng minh được N và H đã nghỉ đánh bạc trước khi bắt quả tang khoảng 30 phút; Các chứng cứ tài liệu thu thập được không đủ căn cứ chứng minh hành vi đánh bạc của N và H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý tách hành vi của N và H để xử lý hành chính là có căn cứ.

Đối với Lê Thành V, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị L, Nguyễn Trương Thị X, Nguyễn Thị H, Trần Văn L, Nguyễn Hiền N, Nguyễn Nhật B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H, Mai Hoàng L không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự là có căn cứ.

* Trong quá trình điều tra, các bị cáo Nguyễn Thanh A, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1, Trần Vũ Xuyên S, Lê Văn T2, L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1 đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

* Cáo trạng số 47/CT-VKS - HS, ngày 31-8-2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố: Nguyễn Thanh An, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1, Trần Vũ Xuyên S về tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; Lê Văn T, L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T2, Nguyễn Thị Phương D đã phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N bổ sung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Thanh An, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1, Trần Vũ Xuyên S phạm tội “Tổ chức đánh bạc” theo điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo: Lê Văn T, L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1, Nguyễn Thị Phương D phạm tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Về mức hình phạt đề nghị đối với các bị cáo tại phiên tòa như sau:

+ Bị cáo Nguyễn Thanh A:

Áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh A từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Áp dụng: Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thanh A từ 06 tháng đến 09 tháng tù về tội Đánh bạc.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt đối với bị cáo từ 21 tháng đến 27 tháng tù.

+ Bị cáo Thái Thị L:

* Áp dụng: điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 65; điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách.

+ Bị cáo Trần Vũ Xuyên S:

* Áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

+ Bị cáo Nguyễn Văn L1: Áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

+ Bị cáo Lê Văn T: Áp dụng: Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

+ Bị cáo Đỗ Thanh Tâm: Áp dụng: Điều 36, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Các bị cáo: Nguyễn Hữu L4, Lê Thị Ngọc T2, Đặng Thị P, Hồ Hải N, L1 Trúc L3, Trần Thị Thu H, Nguyễn Thị Phương D: Áp dụng: Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Bị cáo Nguyễn Thị T: Áp dụng: Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

* Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố, các bị cáo tranh luận như sau:

Các Bị cáo Nguyễn Thanh A, Trần Vũ Xuyên S, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T tranh luận: Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với các bị cáo là cao so với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Các bị cáo còn L1 không có ý kiến tranh luận.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện N, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

[2.1]. Đối với nhân thân của Trần Vũ Xuyên S: Ngày 31-5-2019 bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc trái phép theo quyết định số 57/QĐ – XPVPHC của Ủy ban nhân dân phường Đạo Long, thành phố P, xử phạt bị cáo 1.500.000 đồng. Tại báo cáo số 67/BC-CAP ngày 01-6-2020 của Công an phường Đ xác định bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng thực hiện quyết định xử phạt, đề xuất UBND phường Đ không ra quyết định cưỡng chế. Như vậy, tính đến ngày phạm tội ngày 01-01-2021 đã hết thời hiệu thi hành quyết định hành chính đối với bị cáo theo quy định tại Điều 74 Luật xử lý vi phạm hành chính nên không xem là tiền sự đối với bị cáo.

[2.2]. Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện N bổ sung nội dung cáo trạng như sau: Bổ sung tình tiết định tội đối với các bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Văn L1, Thái Thị L, Trần Vũ Xuyên S theo quy định tại điểm a khoản 1

Điều 322 của Bộ luật Hình sự đó là “Tổ chức cho 10 người đánh bạc trở lên trong cùng một lúc mà tổng số tiền, hiện vật dùng đánh bạc trị giá từ 5.000.000 đồng trở lên”. Xét việc bỏ sung tình tiết định tội quy định tại điểm a khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự không làm thay đổi tội danh, khung hình phạt đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận và tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xác định tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo.

[3.1]. Về tội “Tổ chức đánh bạc”:

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thanh A khai nhận như sau:

Để thỏa mãn việc đánh bạc thắng thua bằng tiền với các con bạc khác, bị cáo Nguyễn Thanh A tự mình tổ chức ra chiếu bạc tại khu vực G thuộc thôn A, xã A để chơi xóc đĩa do bị cáo làm chủ cái, trực tiếp đánh bạc thắng thua bằng tiền với các con bạc. Bị cáo chuẩn bị các dụng cụ dùng để đánh bạc, nhờ Trần Vũ Xuyên S ở gần đó làm người canh gác và trả cho bị cáo 200.000 đồng; trong lúc đang đánh bạc thì có Nguyễn Văn L1 và Thái Thị L là cháu gọi bị cáo bằng Cậu tới chơi nên bị cáo có nhờ L, L1 giúp cho bị cáo chung chi tiền thắng thua cho các con bạc. Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01- 01-2021, khi bị cáo đang đánh bạc với các con bạc khác thì bị bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.200.000 đồng và các dụng cụ dùng để đánh bạc.

Bị cáo Trần vũ Xuyên S, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1 khai nhận: Các bị cáo không bàn bạc trước với bị cáo An về việc tổ chức đánh bạc, nhưng chỉ vì muốn có tiền tiêu dùng nên khi được bị cáo An nhờ canh gác chiếu bạc và trả công 200.000 đồng thì bị cáo S đồng ý. Bị cáo L và bị cáo L1 chỉ vì muốn hưởng lợi bất chính từ việc đánh bạc nên chủ động giúp cho bị cáo An chung chi tiền thắng, thua cho các con bạc.

Xét lời khai nhận của bị cáo Nguyễn Thanh An tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận của các bị cáo Thái Thị L, Nguyễn Văn L1, Trần Vũ Xuyên S và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi của bị cáo Nguyễn Thanh A, Trần Vũ Xuyên S, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1 đã cấu thành tội “Tổ chức đánh bạc” được quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Trong đó A là người có vai trò chính vì là người chuẩn bị công cụ, lôi kéo người đánh bạc. Các bị cáo Trần Vũ Xuyên S, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1 đồng phạm với vai trò là người giúp sức.

Từ sự phân tích trên có đủ cơ sở kết luận: Cáo trạng số 47/CT-VKS-HS của Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh A, Nguyễn Thị L, Nguyễn Văn L1 và Trần Vũ Xuyên S phạm tội Tổ chức đánh bạc, tội danh và hình phạt quy định tại điểm a, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[3.2]. Về tội đánh bạc:

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thanh A, Lê Văn T, L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị

Thu H, Lê Thị Ngọc T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc vào ngày 01-01-2021 như nội dung truy tố tại bản cáo trạng. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập khách quan có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 01-01-2021, các bị cáo Nguyễn Thanh A, Lê Văn T, L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1 đã có hành vi đánh bạc thắng thua bằng tiền với nhau bằng hình thức súc đĩa do bị cáo A làm chủ cái và bị bắt quả tang, thu giữ tại chiếu bạc số tiền 9.200.000 đồng. Thu giữ trên người các con bạc chứng minh được dùng vào mục đích đánh bạc gồm: Lê Văn T số tiền 500.000; Hồ Thị Hải N số tiền 450.000 đồng; Đặng Thị P số tiền 100.000 đồng; Lê Thị Trúc L3 số tiền 5.00.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc được xác định là: 9.200.000 đồng + 500.000 đồng (thu trên người bị cáo T) + 450.000 đồng (thu trên người bị cáo N) + 100.000 đồng (thu trên người bị cáo P) + 500.000 đồng (thu trên người bị cáo L3) = 10.750.000 đồng.

Từ sự phân tích trên có đủ cơ sở kết luận Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh A, Lê Văn T, L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T2, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Phương D khai nhận trước khi bắt quả tang bị cáo đã nghỉ chơi được 30 phút, trước đó bị cáo đã dùng 100.000 đồng vào việc đánh bạc, bị cáo đặt hai ván mỗi ván 50.000 đồng bị thua hết. Do bị cáo đã nghỉ chơi khi bắt quả tang nên không đủ căn cứ buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền đánh bạc của các bị cáo khác. Xét bị cáo có một tiền sự về hành vi đánh bạc trái phép nên phải chịu trách nhiệm hình sự về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đối với bị cáo là có căn cứ.

[3]. Đánh giá tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[3.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự;

[3.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

Đối với bị cáo An: Cả hai tội, bị cáo có chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, đang nuôi dưỡng cha, mẹ già nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đối với tội Đánh bạc bị cáo được áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đối với các bị cáo Trần Vũ Xuyên S, Thái Thị L, Nguyễn Văn L1 có chung tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Trần Vũ Xuyên S còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là có cha là người có công với cách mạng; Bị cáo Thái Thị L còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là bị cáo là lao động duy nhất một mình bị cáo phải lao động nuôi dưỡng mẹ bị ốm đau và hai con còn nhỏ.

Đối với các bị cáo: Lê Văn T, Đỗ Thanh T2 được xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì trước đó các bị cáo đã bị kết án về một tội phạm khác đã được xóa án tích.

Đối với các bị cáo: L1 Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1, Nguyễn Thị Phương D được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Thị T còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ theo theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đó là bị cáo là lao động chính đang nuôi con nhỏ.

[4]. Quyết định hình phạt đối với từng bị cáo như sau:

[4.1]. Bị cáo Nguyễn Thanh A:

Hình phạt chính: Bị cáo bị xét xử cùng lúc hai tội danh là đánh bạc và tổ chức đánh bạc. Tuy nhiên, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã xác định được bị cáo tổ chức ra chiều bạc chỉ nhằm mục đích thỏa mãn việc đánh bạc thắng thua bằng tiền với các con bạc khác, không nhằm mục đích thu tiền hồ, tiền chân hoặc lợi ích khác của các con bạc. Bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức đánh bạc” là tội phạm nghiêm trọng nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo về tội đánh bạc, Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc vai trò của bị cáo như các đồng phạm khác về tội đánh bạc. Xét bị cáo phạm cùng một lúc hai tội trong đó có tội nghiêm trọng nên cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình khi quyết định mức hình phạt đối tội đánh bạc là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4.2]. *Bị cáo Trần Vũ Xuyên S:*

Về hình phạt chính: Bị cáo là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo An. Xét giữa bị cáo và bị cáo A không có bàn bạc, thỏa thuận trước với nhau về việc tổ chức chiêu bạc, không được phân chia lợi nhuận từ việc đánh bạc mà bị cáo được bị cáo An trả công canh gác là 200.000 đồng. Do đó, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo phải thấp hơn bị cáo A. Bị cáo có nhân thân xấu, phạm tội với lỗi cố ý và thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành pháp luật và các quy tắc của cuộc sống đồng thời có tác dụng đấu tranh và phòng ngừa tội phạm. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo.

Xét bị cáo tính đến ngày xét xử sơ thẩm đã tạm giam 288 ngày tương ứng với 09 tháng 18 ngày, trong thời gian tạm giam chấp hành tốt các quy định tại nơi giam giữ nên áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo bằng thời gian tạm giam là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có con nhỏ, nghề nghiệp làm nông có thu nhập thấp nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4.3]. *Bị cáo Nguyễn Văn L1:*

Về Hình phạt chính: Xét giữa bị cáo và bị cáo A không có sự bàn bạc để tổ chức sòng bạc, nhưng vì muốn thu lợi bất chính nên đã chủ động giúp bị cáo An làm người chung chi tiền cho các con bạc. Hành của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội với lỗi cố ý và thuộc trường hợp nghiêm trọng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên được áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, đã tạm giam từ ngày 01-1-2021 đến ngày xét xử sơ thẩm là 288 ngày tương ứng với 09 tháng 18 ngày. Trong thời gian tạm giam chấp hành tốt các quy định nơi giam giữ, nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù bằng thời gian tạm giam của bị cáo là phù hợp.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có con nhỏ, số tiền hưởng lợi không lớn, không có nghề nghiệp ổn định, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4.4]. *Bị cáo Nguyễn Thị L:*

Xét bị cáo có cùng vai trò giúp sức như bị cáo S và bị cáo L1 nên áp hình phạt tù đối với bị cáo là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị cáo tranh luận đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo với lý do: Bị cáo đã ăn năn, hối cải đối với hành vi

phạm tội, hiện tại bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình phải nuôi dưỡng mẹ già không có khả năng lao động và hai con còn nhỏ ăn học, nếu bắt bị cáo phải chấp hành hình phạt tù thì mẹ bị cáo và con bị cáo không có ai chăm sóc.

Hội đồng xét xử thấy:

Án treo là biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện được quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Đối chiếu các quy định nêu trên thấy rằng:

Giữa bị cáo và bị cáo A không có sự thỏa thuận, bàn bạc trước để tổ chức lập ra chiếu bạc. Bị cáo là cháu của bị cáo A khi đến chơi thì được bị cáo An nhờ chung chi tiền thắng thua cho các con bạc. Do muốn được hưởng lợi bất chính từ việc đánh bạc nên đã chủ động giúp bị cáo A làm người chung chi tiền cho các con bạc. Hội đồng xét xử đánh giá bị cáo là đồng phạm có vai trò thứ yếu trong tội tổ chức đánh bạc.

Bị cáo đã bị kết án về tội đánh bạc năm 2017 nhưng đã được xóa án tích, bị xử phạt vi phạm hành chính năm 2018 về hành vi làm hư hỏng tài sản của người khác, đã chấp hành xong quyết định xử phạt, tính đến ngày phạm tội đã quá 06 tháng; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng và không thuộc trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Xét bị cáo có đầy đủ các điều kiện được hưởng án treo quy định tại Điều 2 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và có hoàn cảnh xã hội đặc biệt được chính quyền địa phương xác nhận bị cáo có chồng nhưng hiện tại chồng đã bỏ đi không rõ tung tích, bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình phải nuôi dưỡng mẹ ốm đau, không có khả năng lao động và hai con còn nhỏ ăn học. Từ điều kiện về xã hội của bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng không cần thiết phải cách L3 bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện cho bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Xét bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có con nhỏ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự khi quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, xét cần thiết phải áp dụng thêm hình phạt bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 322 đối bị cáo nhằm răn đe, giáo dục bị cáo là phù hợp.

[4.5]. *Bị cáo Lê Văn T:*

Hình phạt chính: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền dùng đánh bạc là 550.000 đồng. Bị cáo đã bị kết án về tội “Trộm cắp tài

sản”, đã được xóa án tích nhưng không lấy đó làm bài học để tiếp tục tu dưỡng, rèn luyện trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội L1 tiếp tục phạm tội nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách L3 bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, dục bị cáo, đồng thời phòng ngừa chung.

Hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có nghề nghiệp làm thuê, đang nuôi hai con nhỏ nên không áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4.6]. *Bị cáo Đỗ Thanh T:*

Hình phạt chính: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền dùng đánh bạc là 200.000 đồng là số tiền nhỏ. Bị cáo đã bị kết án hình phạt tù về tội trộm cắp tài sản đã được xóa án tích. Tuy nhiên xét hành vi của bị cáo trong vụ án chưa đến mức áp dụng hình phạt tù nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành phạt luật đồng thời có tác dụng đấu tranh và phòng chống tội phạm.

Xét bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4.7]. *Đối với các bị cáo Nguyễn Hữu L4, Nguyễn Thị T, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Trần Thị Thu H, L1 Trúc L3 và Lê Thị Ngọc T2; Nguyễn Thị Phương D:*

Về hình phạt chính đối với các bị cáo: Xét xác bị cáo lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Số tiền đánh bạc không lớn (L4: 200.000 đồng; T 450.000 đồng; N 600.000 đồng; P 200.000 đồng; H 50.000 đồng; L3 1.200.000 đồng; T2 100.000 đồng; D 100.000 đồng). Xét tính chất mức độ chưa đến mức áp dụng hình phạt tù nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ như đề nghị của Viện kiểm sát đối với các bị cáo là đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo ý thức chấp hành phạt luật đồng thời có tác dụng đấu tranh và phòng chống tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo cũng cần phải phân hóa cụ thể như sau: Bị cáo Nguyễn Hữu L4 và Nguyễn Thị T đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trái pháp luật nên hình phạt áp dụng đối với bị cáo L4 và T phải cao hơn các bị cáo còn L1.

Xét các bị cáo có nghề nghiệp làm nông, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập trong thời gian chấp hành án.

Hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội lần đầu, số tiền đánh bạc nhỏ, các bị cáo có nghề nghiệp làm nông nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5]. *Xử lý vật chứng:*

+ Số tiền đánh bạc thu giữ tại chiều bạc là 9.200.000 đồng, căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự, phải tịch thu sung quỹ Nhà nước;

+ Số tiền 500.000 đồng, thu giữ của bị cáo Lê Văn T, đã xác định được dùng vào việc đánh bạc nên áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự tịch thu sung quỹ Nhà nước;

+ Số tiền 110.000 đồng tạm giữ của Trần Thị Thu H không dùng vào mục đích đánh bạc nên trả L1 cho bị cáo.

+ Số tiền 2.850.000 đồng thu giữ của bị cáo Hồ Thị Hải N, chứng minh được có 450.000 đồng dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 450.000 đồng. Trả L1 cho bị cáo Hồ Thị Hải N số tiền: 2.400.000 đồng.

+ Tạm giữ của bị cáo Đặng Thị P số tiền 800.000 đồng, trong đó có 100.000 đồng chứng minh được dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước 100.000 đồng, trả L1 cho bị cáo: 700.000 đồng.

+ Tạm giữ của bị cáo Lê Thị Ngọc T1 8.375.000 đồng, quá trình điều tra chứng minh được bị cáo không dùng số tiền này vào mục đích đánh bạc nên trả L1 cho bị cáo.

+ Đối với tiền 500.000 đồng thu giữ của bị cáo Lại Trúc L3 đã chứng minh được dùng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung quỹ Nhà nước.

T toàn bộ số tiền đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N theo Ủy nhiệm chi số lập ngày 23-4-2021.

Đối với các vật chứng gồm: Một tấm bao bì màu xanh trắng, một bật có chữ Blue – Sea, thức ăn tôm thẻ chân trắng, một mặt viết bằng mực xanh và đỏ gồm chữ X và T và một số ký tự bằng số; ba hột xúc xắc được làm bằng giấy và xốp; 23 vòng tròn bằng kim loại; một chén nhựa S màu đỏ bên ngoài và màu đen bên trong; một đĩa tròn bằng kim loại. Xét các vật chứng không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[7]. Đối với Lê Thành V, Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị L, Nguyễn Trương Thị X, Nguyễn Thị H, Trần Văn L, Nguyễn Hiền N, Nguyễn Nhật B, Nguyễn Văn M, Nguyễn Văn H, Mai Hoàng L không tham gia đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N không xử lý hình sự là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

+ Các bị cáo: Nguyễn Thanh A, Thái Thị L, Trần Vũ Xuyên S, Nguyễn Văn L1 phạm tội Tổ chức đánh bạc.

+ Các bị cáo: Nguyễn Thanh A, Lê Văn T, Đỗ Thanh T2, Lại Trúc L3, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu L4, Trần Thị Thu H, Lê Thị Ngọc T1, Nguyễn Thị Phương D phạm tội Đánh bạc.

1. Áp dụng: điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh A 12 (mười hai) tháng tù về tội “Tổ chức đánh bạc”;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh A: 03 (ba) tháng tù về tội “Đánh bạc”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự buộc bị cáo Nguyễn Thanh A phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày tạm giữ (ngày 01-01-2021).

2. Áp dụng: điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Vũ Xuyên S: 09 (chín) tháng 18 (mười tám) ngày tù, thời hạn tù được tính từ tạm giữ (ngày 01-01-2021).

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam trong vụ án khác.

3. Áp dụng: a, d khoản 1 Điều 322 điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1: 09 (chín) tháng 18 (mười tám) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (ngày 01-01-2021).

Căn cứ khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng Hình sự trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa nếu không bị tạm giam trong vụ án khác.

4. Áp dụng: điểm a, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Thái Thị L 10 (mười) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15 tháng 10 năm 2021).

+ Áp dụng: khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự: Phạt bổ sung bị cáo Thái Thị L 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Thái Thị L cho Ủy ban nhân dân xã Phước Thuận, huyện N giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Trường hợp bị cáo được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

5. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 08 (tám) tháng 13 (mười ba) ngày tù nhưng được khấu trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam bị cáo (thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 01-01-2021 đến ngày 10-09-2021). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù.

6. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đỗ Thanh T2 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

7. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

+ Xử phạt bị cáo: Hồ Thị Hải N 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo: Đặng Thị P 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo: Trần Thị Thu H 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo: L1 Trúc L3 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo: Lê Thị Ngọc T1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Phương D 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu L4 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

8. Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1,2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời điểm bắt đầu tính thời gian cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo: Đỗ Thanh T, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Trần Thị Thu H, L1 Trúc L3, Lê Thị Ngọc T1, Nguyễn Thị Phương D, Nguyễn Thị T, Nguyễn Hữu L4 là ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Trần Thị Thu H, cho Ủy ban nhân dân xã A nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo L1 Trúc L3 cho Ủy ban nhân dân Phường K, thành phố P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Lê Thị Ngọc T1 cho Ủy ban nhân dân phường V, thành phố P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Phương D cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố P nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu L4 cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện N nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị T, Đỗ Thanh T1 cho Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Dân, huyện N nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành án.

8. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 10.750.000 đồng (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Trả L1 cho bị cáo Trần Thị Thu H số tiền 110.000 đồng (một trăm mười nghìn đồng) không dùng vào việc đánh bạc;

+ Trả L1 cho bị cáo Hồ Thị Hải N số tiền: 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) không dùng vào việc đánh bạc;

+ Trả L1 cho bị cáo Đặng Thị P 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) không dùng vào việc đánh bạc;

+ Trả L1 cho bị cáo Lê Thị Ngọc T 8.375.000 đồng (tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) không dùng vào việc đánh bạc.

Tòa bộ số tiền đang được tạm giữ tại tài khoản của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N mở tại Kho bạc Nhà nước, theo Ủy nhiệm chi lập ngày 23-4-2021 của Kho bạc Nhà nước huyện N.

+ Tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) tấm bao bì màu xanh trắng, một mặt có chữ Blue – Sea, thức ăn tôm thẻ chân trắng, một mặt viết bằng mực xanh và đỏ gồm chữ X và T và một số ký tự bằng số; 03 (ba) hột xúc xắc được làm bằng giấy và xốp; 23 (hai mươi ba) vòng tròn bằng kim loại; 01 (một) chén nhựa S màu đỏ bên ngoài và màu đen bên trong; 01 (một) đĩa tròn bằng kim loại.

Vật chứng đang được bảo quản tại kho của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-4-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

9. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo: Nguyễn Thanh A, Thái Thị L, Trần Vũ Xuyên S, Nguyễn Văn L1, Lê Văn T, L1 Trúc L3, Nguyễn Hữu L4, Nguyễn Thị T, Lê Thị Ngọc T1, Đỗ Thanh T2, Hồ Thị Hải N, Đặng Thị P, Trần Thị Thu H, Nguyễn Thị Phương D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

10. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15-10-2021).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N (Cơ quan THAHS + Cơ quan Điều tra);
- Chi cục THADS huyện N;
- Sở Tư pháp tỉnh Ninh Thuận;
- Các bị cáo;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tùng

